

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/KDTM-PT**

Ngày: 21/12/2020

V/v: “*Yêu cầu công nhận thành viên góp  
vốn của công ty*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Phước Thanh

***Các Thẩm phán:*** Ông Phạm Việt Cường

Bà Lê Thúy Cầu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Nguyễn Tấn Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLPT-KDTM ngày 09/10/2020, về việc “*Yêu cầu công nhận thành viên góp vốn của công ty*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 382/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Hồng L, địa chỉ: Thôn L1, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Tấn Ph, địa chỉ: số 159/3 Nguyễn Văn Cừ, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Tấn Ph: Bà Trịnh Thị Kiều Tr - sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T1, thành phố B,*

tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ M. Trụ sở chính: số 167B đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn B1 - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Q - sinh năm 1977, trú tại: số 153 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Tấn B1 - Chủ hộ kinh doanh Cà phê M; địa chỉ: Số 159/3 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tấn T2, địa chỉ: số 159/3 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ánh H1 - Chủ hộ kinh doanh TĐ cà phê M; địa chỉ: số 159/3 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tấn T2; địa chỉ: số 159/3 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: số 02 đường L, quận B2, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ chi nhánh T1 tại Đắk Lắk: số 80 đường N2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hồ Thị Tuyết M1; địa chỉ: số 80 đường N2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh - HD Bank; địa chỉ: số 25Bis đường N3, quận Y1, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ chi nhánh tại Đắk Lắk: số 10 đường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Tấn T2. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L2. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng N4. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Trang Hồng L3. Vắng mặt.

*Cùng trú tại:* số 153 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Ông Nguyễn Thanh M2, địa chỉ: Thôn L1, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

8. Ông Trịnh Quốc T5, địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh M2, ông Trịnh Quốc T5: Bà Trịnh Thị Kiều Tr - sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T1, thành

phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

9. Bà Võ Thị Bích H2, địa chỉ: số 159/3 Đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

10. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Ngọc Ng - Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH MTV M (Viết tắt: Công ty M) có mã số doanh nghiệp 6000750028 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/10/2008, trụ sở chính: Số 167B đường N1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngay từ khi bắt đầu thành lập, Công ty M do 04 thành viên góp vốn đầu tư kinh doanh là: Ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T . Các tài sản do các thành viên góp vốn vào Công ty M bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để kinh doanh Điểm du lịch sinh thái ĐT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày 01/03/2017. Đây là tài sản góp vốn chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T , với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 3 = 33,33\%$  (*Làm tròn kết quả*).

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để kinh doanh TĐ cà phê M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 189340, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Công ty M ngày 28/05/2009, thửa đất số: 25, tờ bản đồ số 77, địa chỉ thửa đất tại Phường T1, Thành phố B, diện tích: 4.226m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, đến ngày 10/02/2059. Đây là tài sản góp vốn chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T , với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 3 = 33,33\%$  (*Làm tròn kết quả*).

3. Đối với 04 thửa đất số 02, 03, 17, 18 và tài sản gắn liền với 04 thửa đất là ngôi nhà cấp 4 và các tài sản khác trong nhà là của Công ty M với 4 người góp vốn là ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T , ông Nguyễn Tấn Ph với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 4 = 25$

4. 01 lô đất (gồm nhiều lô đất hợp lại, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại Thôn 1, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L, với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 4 = 25\%$ . Trên lô đất có tài sản:

- Khu vực xưởng rang xay và các tài sản trong xưởng, loại trừ nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa. Công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L, với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 4 = 25\%$ .

- Khu vực đóng gói và các tài sản trong kho đóng gói, loại trừ nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa. Công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L, với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 4 = 25\%$ .

Lô đất trên là tài sản góp vốn chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L, với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 4 = 25\%$ .

5. Đối với các tài sản: Xe ô tô Mitsubishi, tải trọng: 3.5 tấn, Biển số 47K – 8810; xe ô tô Mitsubishi, tải trọng: 3.5 tấn, Biển số 47K – 8394; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 4099; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 3853; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 4369. Đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L, với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là  $100\% : 4 = 25\%$ . Quá trình giải quyết vụ án chúng tôi yêu cầu nhiều chiếc xe nhưng sau đó chúng tôi đã thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu 05 chiếc xe trên.

Do 04 thành viên góp vốn đầu tư kinh doanh: Ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T có mối quan hệ là anh, chị, em trong gia đình nên thống nhất để cho ông Nguyễn Tấn B1 làm các thủ tục đăng ký dinh doanh và đứng tên là chủ sở hữu Công ty M, thực tế các thành viên còn lại đã cùng ông B1 góp vốn với tỷ lệ như thỏa thuận tại các biên bản, cùng nhau tiến hành hoạt động kinh doanh và chia lợi nhuận hàng năm.

Tuy nhiên hiện nay ông Nguyễn Tấn B1 không thông qua hoạt động của Công ty, không chi trả lợi nhuận hàng năm cho các thành viên còn lại.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Công nhận Công ty M có 04 thành viên góp vốn là: Ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T với tỷ lệ góp vốn như các biên bản đã thỏa thuận. Trước đây nguyên đơn khởi kiện cả hộ kinh doanh cà phê M và hộ kinh doanh thiên đường M nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện và

chỉ yêu cầu công nhận là thành viên góp vốn của Công ty M đối với tất cả các tài sản trên.

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty M là ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Về tài sản của Công ty M gồm có:

1. Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để kinh doanh điểm du lịch sinh thái ĐT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày 01/03/2017. Đây là tài sản của Công ty M, việc ông Nguyễn Tấn B1 ký thỏa thuận theo Văn bản ngày 08/12/2017 là của cá nhân ông Nguyễn Tấn B1, không liên quan đến Công ty M.

2. Quyền sử dụng đất để kinh doanh TĐ cà phê M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO189340, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Công ty M ngày 28/05/2009, thửa đất số: 25; tờ bản đồ số 77, địa chỉ thửa đất tại phường T1, Thành phố B, diện tích: 4.226m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, đến ngày 10/02/2059 (*Nguồn gốc sử dụng: Đất của Nhà nước cho thuê có thời hạn 50 năm*). Đây là tài sản của Công ty M, việc ông Nguyễn Tấn B1 ký thỏa thuận theo Văn bản ngày 08/12/2017 là của cá nhân ông Nguyễn Tấn B1, không liên quan đến Công ty M.

- Đối với 04 thửa đất số 02, 03, 17, 18 là tài sản chung của 4 người là ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Tấn Ph, không liên quan đến Công ty M vì tất cả tài sản này đều đứng tên cá nhân.

- Tài sản gắn liền với 04 thửa đất số 02, 03, 17, 18 là ngôi nhà cấp 4 (*chưa được đăng ký quyền sở hữu*) và các tài sản khác trong nhà không phải là trụ sở hay tài sản Công ty M, đây là tài sản riêng do ông Nguyễn Tấn B1 xây dựng từ năm 2003.

*Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn B1 - Chủ hộ kinh doanh Cà phê M, bà Nguyễn Thị Ánh H1 – Chủ hộ kinh doanh TĐ cà phê M, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị Hồng N4, bà Nguyễn Thị Trang Hồng L3, bà Nguyễn Thị Ánh H1 là ông Nguyễn Tấn T2 trình bày:*

Về tài sản của hộ kinh doanh Cà phê M hiện do ông Nguyễn Tấn B1 làm Chủ hộ:

01 lô đất (*gồm nhiều lô đất hợp lại, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) tại thôn 1, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L. Trên lô đất có tài sản:

- Khu vực xưởng rang xay và các tài sản trong xưởng, loại trừ nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa tại thời điểm đóng cửa. Công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L.

- Khu vực đóng gói và các tài sản trong kho đóng gói, loại trừ nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa tại thời điểm đóng cửa. Công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L.

Đối với các tài sản: Xe ô tô Mitsubishi, tải trọng: 3.5 tấn, Biển số 47K – 8810; xe ô tô Mitsubishi, tải trọng: 3.5 tấn, Biển số 47K – 8394; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 4099; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 3853; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 4369. Công nhận đây là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L, nhưng không thừa nhận là tài sản của hộ kinh doanh Cà phê M. Tuy nhiên thừa nhận 05 xe ô tô này có sử dụng phục vụ cho hộ kinh doanh Cà phê M.

Đối với 01 lô đất nông nghiệp đường V1 (gần trạm điện), phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên bà Nguyễn Thị Thu T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 93321, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 30/10/2003, thửa đất số 144, tờ bản đồ 80 thừa nhận là tài sản chung, nhưng đối với ý kiến nguyên đơn cho rằng đã bán và chia tiền đều cho 4 người ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Tấn Ph thì tôi không đồng ý vì các bên chia thỏa thuận miệng chứ chưa làm thủ tục sang tên, phải xác định là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L.

05 gian nhà và cây cối trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO189340, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Công ty M ngày 28/05/2009 là tài sản chung của 3 cá nhân: Ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T là tài sản chung của 03 người: Ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T, còn tất cả các tài sản khác là của ông Nguyễn Tấn B1 đầu tư.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* ông Nguyễn Thanh M2, ông Trịnh Quốc T5 và bà Võ Thị Bích H2 trình bày: Ông Nguyễn Thanh M2, ông Trịnh Quốc T5 và bà Võ Thị Bích H2 đồng ý với trình bày của các nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí

Minh – HD Bank có đơn từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày 01/03/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO189340, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Công ty M ngày 28/05/2009, thửa đất số: 25, tờ bản đồ số 77, địa chỉ thửa đất tại phường T1, Thành phố B, diện tích: 4.226m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, đến ngày 10/02/2059 (*Nguồn gốc sử dụng: Đất của Nhà nước cho thuê có thời hạn 50 năm*) là đúng trình tự thủ tục, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ Điều 5 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 184; điểm c khoản 1 Điều 201, Điều 227, 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 36 Luật doanh nghiệp; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Tấn Ph.***

[1.]. Công nhận bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Hồng L cùng với ông Nguyễn Tấn B1 là thành viên góp vốn vào Công ty M (*Kể cả thương hiệu và địa điểm kinh doanh*). Tỷ lệ góp vốn cụ thể như sau:

[1.1]. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để kinh doanh Điểm du lịch sinh thái ĐT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15.634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đất thuê: 50 năm, kể từ ngày 01/03/2017 (*Nguồn gốc sử dụng: Đất của Nhà nước cho thuê có thời hạn 50 năm*). Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để kinh doanh TĐ cà phê M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 189340, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Công ty M ngày 28/05/2009, thửa đất số: 25, tờ bản đồ số 77, địa chỉ thửa đất tại phường T1, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, diện tích: 4.226m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, đến ngày 10/02/2059 (*Nguồn gốc sử dụng: Đất của Nhà nước cho thuê có thời hạn 50 năm*).

Tỷ lệ góp vốn: Ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T mỗi người là 33,33%.

[1.2]. Công nhận tỷ lệ góp vốn của ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L mỗi người là 25% đối với tài sản là: Khu vực xưởng rang xay và các tài sản trong xưởng; khu vực đóng gói và các tài sản trong kho đóng gói tại thôn 1, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[1.3.]. Công nhận thỏa thuận góp vốn giữa ông Nguyễn Tấn B1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L với tỷ lệ góp vốn của mỗi người là 25% đối với các tài sản là:

- 05 chiếc xe Xe ô tô Mitsubishi, tải trọng: 3.5 tấn, Biển số 47K – 8810; xe ô tô Mitsubishi, tải trọng: 3.5 tấn, Biển số 47K – 8394; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 4099; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 3853; xe ô tô Kia, tải trọng: 1 tấn, Biển số 47L – 4369.

- 4 lô liền kề 17 + 18 + 02 + 03 và tài sản trên đất tại số 167B-C Đường N1. *(Hiện nay đã có 03 lô được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X776358, thửa đất số 17, tờ bản đồ độc lập, có diện tích 87,5m<sup>2</sup> đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn B1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 842165, thửa đất số 18, tờ bản đồ độc lập, có diện tích 87,5m<sup>2</sup> đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Thu T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X776316, thửa đất số 3, tờ bản đồ độc lập, có diện tích 87,5m<sup>2</sup> đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Thu T và 01 lô chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).*

- 01 lô đất *(gồm nhiều lô đất hợp lại, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)* tại Thôn 1, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các bên có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chuyển đổi hình thức Công ty và thực hiện các thủ tục đăng ký, điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2020, bị đơn Công ty kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án; với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các văn bản thỏa thuận với tư cách cá nhân của ông Nguyễn Tấn B1 để công nhận các nguyên đơn là thành viên góp vốn là không khách quan và không đúng quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Tấn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án khi ông T2 vắng mặt lần thứ nhất. Bên cạnh đó, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Tấn B1 vào tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không làm rõ ông B1 ký các văn bản thỏa thuận để góp vốn vào công ty



hay chuyển nhượng vốn, tặng cho vốn sau khi thành lập Công ty M và không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ các tài sản trong các văn bản thỏa thuận có phải là tài sản cá nhân của người đó hay không là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Một số tài sản chưa được nhà nước công nhận quyền sở hữu, sử dụng nhưng vẫn công nhận là các tài sản góp vốn là trái quy định của Luật doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Tấn B1 là chủ sở hữu duy nhất của Công ty M, chưa có giao dịch chuyển nhượng vốn hoặc tăng vốn điều lệ nhưng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và công nhận các nguyên đơn là thành viên góp vốn của Công ty M để chuyển đổi loại hình công ty là không phù hợp với luật doanh nghiệp.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Những người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ y bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu công nhận là thành viên góp vốn và xác định tỷ lệ góp vốn của mỗi người tại Công ty M (*Do ông Nguyễn Tấn B1 làm chủ sở hữu và là đại diện theo pháp luật của công ty*), theo thỏa thuận tại các biên bản: Văn bản thỏa thuận ngày 08/12/2017; Biên bản cuộc họp ngày 30/9/2013; Biên bản cuộc họp ngày 16/8/2007; Văn bản thỏa thuận ngày 22/5/2018; Văn bản thỏa thuận không ghi ngày tháng, ghi năm 2018 và Văn bản thỏa thuận không xác định thời gian.

[2] Qua xem xét các nội dung của: Văn bản thỏa thuận ngày 08/12/2017; Biên bản cuộc họp ngày 30/9/2013; Biên bản cuộc họp ngày 16/8/2007; Văn bản thỏa thuận ngày 22/5/2018; Văn bản thỏa thuận không ghi ngày tháng năm 2018 và Văn bản thỏa thuận không xác định thời gian. HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng:

- Biên bản cuộc họp ngày 16/8/2007 thể hiện: 03 nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng L với ông Nguyễn Tấn B1 thỏa thuận xác định tài sản chung tại cơ sở chế biến cà phê M có địa chỉ trụ sở tại số 159/3 Đường N1, phường T1 (*đây là hộ kinh doanh Cà phê M do ông Nguyễn Tấn B1 đứng tên chủ hộ kinh doanh*); không có thỏa thuận xác định tài sản chung tại Công ty M.

- Biên bản cuộc họp ngày 30/9/2013 thể hiện: 02 nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T với ông Nguyễn Tấn B1 thỏa thuận xác định tài sản chung tại quán TĐ cà phê M, có địa chỉ tại số 159/3 Đường N1, phường T1 (*đây là hộ kinh doanh do bà Nguyễn Thị Ánh H1, đứng tên chủ hộ kinh doanh TĐ cà phê*); không có thỏa thuận xác định tài sản chung tại Công ty M.

- Văn bản thỏa thuận ngày 08/12/2017 thể hiện: 02 nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T với ông Nguyễn Tấn B1 thỏa thuận xác định tài sản chung tại Công ty M (*Địa điểm kinh doanh: Điểm du lịch ĐT M, theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 ngày 12/4/2016 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017*) đối với quyền sở hữu nhà, tài sản khác và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15.634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng là đất nhà nước cho Công ty M thuê trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Điều 175 Luật đất đai năm 2013.

- Văn bản thỏa thuận ngày 22/5/2018 thể hiện: 02 nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T với ông Nguyễn Tấn B1 thỏa thuận xác định tài sản chung tại quán TĐ cà phê M tại địa chỉ tại số 159/3 Đường N1, phường T1 (*đây là hộ kinh doanh do bà Nguyễn Thị Ánh H1, đứng tên chủ hộ kinh doanh TĐ cà phê*), không có thỏa thuận xác định tài sản chung tại Công ty M.

- Văn bản thỏa thuận năm 2018 (*không ghi ngày, tháng*): 03 nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng L với ông Nguyễn Tấn B1 thỏa thuận xác định tài sản chung đối với 05 chiếc xe ô tô (*Xe ô tô Mitsubishi, Biển số 47K – 8810; xe ô tô Mitsubishi, Biển số 47K – 8394; xe ô tô Kia, Biển số 47L – 4099; xe ô tô Kia, Biển số 47L – 3853 và xe ô tô Kia, Biển số 47L – 4369*); 04 thửa đất số 17 + 18 + 02 + 03 cùng toàn bộ thiết bị máy móc, trang thiết bị sản xuất ...tại thôn 1, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Văn bản thỏa thuận này không thỏa thuận các tài sản còn lại như nguyên đơn khởi kiện và Bản án sơ thẩm đã quyết định.

- Văn bản thỏa thuận không có ngày tháng năm: Văn bản này không xác định được thời điểm thỏa thuận nên không xác định được hiệu lực của thỏa thuận. Hơn nữa, văn bản này xác định tài sản chung của 03 nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng L với ông Nguyễn Tấn B1 tại cả 02 cơ sở kinh doanh, đó là tại Công ty M và tại hộ kinh doanh Cà phê M do ông Nguyễn Tấn B1 đứng tên chủ hộ kinh doanh (*Không phải thuộc sở hữu riêng của Công ty M*).

Như vậy, nội dung của các văn bản thỏa thuận cũng như các Biên bản cuộc họp nêu trên không thể hiện rõ tài sản nào là tài sản chung góp vốn vào Công ty M. Tuy nhiên, qua xem xét về sự thỏa thuận, thời gian thỏa thuận (*Từ năm 2007 đến năm 2018*), thời điểm thành lập Công ty M (*ngày 15/10/2008*) và lời trình bày của các nguyên đơn về quá trình góp vốn, về nguyên nhân và điều kiện thành lập Công ty M đã cho thấy một số tài sản do Công ty M đang quản lý, sử dụng là tài sản chung của ông Nguyễn Tấn B1, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Nguyễn Thị Thu T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận toàn bộ các tài sản góp vào Công ty M theo lời trình bày của nguyên đơn mà chưa tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ là thiếu sót và chưa đủ căn cứ. Cụ thể như sau:

- Về quyền sở hữu nhà, tài sản khác và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15.634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017 thì diện tích đất 15.634m<sup>2</sup> của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86 là đất nhà nước cho Công ty M thuê trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Điều 175 Luật đất đai năm 2013.

Mặt khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779982 ngày 29/10/2014; thể hiện thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86, diện tích 15.634m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nêu trên là của ông Nguyễn Tấn Ph đứng tên chủ sử dụng (*từ việc nhận chuyển nhượng*) nhưng sau đó theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CL 141920 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty M ngày 13/10/2017 thì diện tích đất 15.634m<sup>2</sup> của thửa đất số 29, tờ bản đồ số 86 là đất nhà nước cho Công ty M thuê trả tiền thuê đất hàng năm nhưng không làm rõ nguồn gốc, lý do và có phải đây là tài sản của ông Ph góp vốn vào Công ty M không.

Tương tự như trên, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 25, tờ bản đồ số 77, diện tích: 4.226m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO189340, do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp cho Công ty M ngày 28/05/2009 (*Nguồn gốc sử dụng: Đất của Nhà nước cho thuê có thời hạn 50 năm*) cũng chưa được làm rõ.

- Khu vực xưởng rang xay và các tài sản trong xưởng; khu vực đóng gói và các tài sản trong kho đóng gói tại thôn 1, xã H3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Văn bản thỏa thuận không có ngày tháng năm như đã xác định phần trên; Văn bản này xác định tài sản chung tại cả 02 cơ sở kinh doanh, đó là tại Công ty M và tại hộ kinh doanh Cà phê M do ông Nguyễn Tấn B1 đứng tên chủ hộ kinh doanh (*Không phải thuộc sở hữu riêng của Công ty M*) nên cũng chưa đủ cơ sở xác định các tài sản

này, tài sản nào góp vốn vào Công ty M để làm căn cứ xác định thành viên và tỷ lệ góp vốn như bản án sơ thẩm đã quyết định.

- Theo quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn tại Điều 36 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất phải làm thủ tục chuyển quyền cho công ty:

**“ Điều 36. Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn**

*1. Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:*

*a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền....”* nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện 05 chiếc xe ô tô chưa đăng ký quyền sở hữu Công ty M; thửa đất số 17, thửa đất số 18 và thửa đất số 03 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang đứng tên cá nhân và chưa làm thủ tục chuyển quyền cho Công ty M; thửa đất số 02 và 01 lô đất (*gồm nhiều lô đất hợp lại*) tại Thôn 1, xã H3, thành phố B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa đủ cơ sở xác định các tài sản này đã góp vốn vào Công ty M hay chưa.

[3] Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá tài sản của Công ty M để xác định tỷ lệ giá trị vốn góp của mỗi người mà chỉ xác định tỉ lệ theo phần của mỗi loại tài sản là chưa đúng quy định tại Điều 47 của Luật Doanh nghiệp nên chưa đủ cơ sở để đăng ký doanh nghiệp theo Điều 25 và khoản 4 Điều 31 Luật doanh nghiệp; khoản 1 Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ.

[4] Với các sai sót nêu trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty M và huỷ bản án sơ thẩm; Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn Công ty M không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Huỷ bản án dân sự thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; về vụ án: “*Yêu cầu công nhận thành viên góp vốn của công ty*”; giữa:

**- Nguyên đơn:**

- + Bà Nguyễn Thị Hồng L.
- + Bà Nguyễn Thị Thu T .
- + Ông Nguyễn Tấn Ph.

**- Bị đơn:**

- + Công ty M.
- + Ông Nguyễn Tấn B1.
- + Bà Nguyễn Thị Ánh H1.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty M không phải chịu và Công ty M được hoàn trả số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 015456 ngày 03/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông Nguyễn Ngọc Q nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Phước Thanh**